

Bản án số: 06 /2019/DS-PT

Ngày: 15 /11 /2019

V/v “*Tranh chấp tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**

2. Bà **Đàm Thị Minh Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 15 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06 /2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08 /2019/QĐ-PT ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Trần Bảo L, sinh năm 1947, có mặt

Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1974, vắng mặt

Ông Trần Mạnh H1, sinh năm 1971, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Ông Trần Bảo C, sinh năm 1969 , vắng mặt

Ông Trần Bảo L1, sinh năm 1971, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Ông Trần Bảo T1, sinh năm 1976 , vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Mạnh H, Ông Trần Mạnh H1, ông Trần Bảo C, Ông Trần Bảo L, Ông Trần Bảo T là: Ông Trần Bảo L (*được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14 và 15/11/2016*) có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Bảo T

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đức V - Chủ tịch UBND huyện C. Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Văn H2, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (*được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 797/UBND-VP ngày 09/8/2017*) vắng mặt

Anh Lê Phúc M, sinh năm 1978, vắng mặt

Chị Phan Thị P, sinh năm 1977, vắng mặt

Bà Đinh Thị T1, sinh năm 1940, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977, vắng mặt

Chị Trần Thị T, sinh năm 1971, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc

Kạn Người kháng cáo: Ông Trần Bảo L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Bảo L trình bày:

Bà Ma Thị Kim có 03 người con trai là: Trần Bảo L, Trần Bảo Đ và Trần Bảo L2. Ngày 14/4/2000 bà lập biên bản chia thừa kế đất cho các con gồm: ông Trần Bảo Đ, bà Trịnh Thị Đ (vợ của ông Trần Bảo L2, đã chết) và ông Trần Bảo L. Một phần biên bản chia thừa kế có nội dung như sau: “ Để lại phần diện tích làm hương hỏa chung cho 03 anh em họ Trần gồm: Thôn Cái Tổng Nghiu chưa rõ diện tích và 03 thửa Ca Lậu gồm có diện tích $125m^2 + 125m^2 + 100m^2 = 350m^2$ giao cho ông Trần Bảo Đ có trách nhiệm bảo quản để thờ cúng, không được phép chuyển nhượng phân chia, nếu không làm nghĩa vụ thờ cúng thì 3 anh em có quyền thu hồi”. Trong biên bản chia bà K không ký tên điểm chỉ và không có xác nhận của địa phương.

Sau khi bà K lập biên bản phân chia đất đai mỗi người đều sử dụng phần đất đúng như đã được chia. Đến năm 2006 thì ông Trần Bảo Đ cùng con trai là

Trần Bảo T đã san lấp 03 thửa đất có tổng diện tích là 350m² để làm nhà ở, mặc dù dòng họ Trần biết rõ sự việc nhưng vì lúc đó Bà K vẫn ở chung với gia đình ông Đ nên không ai có ý kiến. Năm 2007 bà K chết, năm 2008 ông Đ chết, tháng 5 năm 2012 ông T đã tự ý chuyển nhượng thửa đất ao diện tích 575m² “chính là Thôn cái Tổng nghịu chưa rõ diện tích ghi trong biên bản chia thừa kế” cho ông Lê Phúc M không thông qua dòng họ. Lúc này, dòng họ phát hiện 04 thửa đất làm hương hỏa chung cho 03 anh em dòng họ Trần trong biên bản chia thừa kế ngày 14/4/2000 của bà K ông T đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T từ năm 2003. Bốn thửa đất làm hương hỏa chính là các thửa số 41 diện tích 132m²; thửa số 59 diện tích 273 m²; thửa số 61 diện tích 575 m² mà UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/12/2013 cho hộ ông Trần Bảo T.

Nguyên đơn cho rằng hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông T là hồ sơ giả, chữ ký trong hồ sơ xin cấp giấy đăng ký quyền sử dụng đất không phải chữ ký của ông T và đã yêu cầu cơ quan Công an giám định đối với chữ ký của ông Đ và anh T trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể:

Buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa số 41 diện tích 132m²; thửa số 59 diện tích 273 m²; thửa số 61 diện tích 575 m² đều thuộc tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cho dòng họ để duy trì là đất hương hỏa dòng họ Trần.

Vì hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Toại là hồ sơ giả mạo, không được tiến hành theo đúng quy định về thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy đề nghị hủy Quyết định 2415/QĐ-UB ngày 15/12/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Bảo T đối với các thửa đất số 41, thửa 59, thửa 61 tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính năm 2003 của xã Y.

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh Trần Bảo T và ông Lê Phúc M đối với thửa số 61 diện tích 575 m² thuộc tờ bản đồ số 21 Bản đồ địa chính xã Y.

Theo biên bản họp dòng họ ngày 23/10/2012 và Biên bản họp dòng họ ngày 13/11/2016 họp thống nhất những người được thừa hưởng đối với phần đất hương hỏa dòng họ gồm:

Ngôi thứ nhất: Trần Bảo Đ (đã chết), Trần Bảo L (đã chết) bà Trịnh Thị Đ (vợ ông L), Trần Bảo L

Ngôi Thứ hai: Trần Thị T, Trần Bảo T, Trần Bảo C, Trần Bảo L1, Trần Bảo T1, Trần Mạnh H, Trần Mạnh H1

Bị đơn ông Trần Bảo T trình bày:

Các thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu trả lại có nguồn gốc là đất của bà nội là Ma Thị K và bố là Trần Bảo Đ để lại cho ông sử dụng. Trước đây các thửa đất này có đưa vào Hợp tác xã và sau đó Hợp tác xã giải thể thì bố ông là người đứng ra nhận lại đất. Khi ông xây dựng gia đình ở chung với bà nội và bố mẹ. Năm 2003 có chủ trương kê khai đất để cấp sổ, bà K đồng ý cho ông và bố cùng đến UBND xã Y để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Bảo T. Ngày 15/12/2003 ông T đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất nêu trên. Việc bà Ma Thị K lập biên bản chia thừa kế để lại 04 thửa đất làm đất hương hỏa cho dòng họ, ông T không biết. Ông T xác định 03 thửa đất ông đang sử dụng không phải là tài sản chung của dòng họ và không phải là những thửa đất hương hỏa ghi trong biên bản chia thừa kế của bà Ma Thị K lập ngày 14/4/2000 do nguyên đơn cung cấp.

Về việc làm thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003 ông T cùng bố để là ông Trần Bảo Đ đến UBND xã Y làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó trong gia đình bà và bố mẹ đều thống nhất cho ông đứng tên trong giấy chứng nhận mặc dù lúc đó bố ông vẫn là chủ hộ nhưng mọi việc gia đình đều do ông gánh vác. Ông T khẳng định chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất là của ông ký còn phần nội dung trong đơn là cán bộ viết hộ. Theo ông việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã làm đúng trình tự, thủ tục theo quy định, gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với hồ sơ đã đăng ký kê khai năm 2003. Từ trước năm 2000 đến năm 2012 gia đình ông đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai đến năm 2012 khi ông chuyển nhượng 01 thửa đất ao cho ông Lê Phúc M thì mới xảy ra tranh chấp.

Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng cho ông Lê Phúc M đối với thửa số 61 diện tích 575 m² thuộc tờ bản đồ số 21. Do nhà nghèo, cuộc sống khó khăn không có điều kiện để hoàn thiện căn nhà, do vậy năm 2012 ông đã chuyển nhượng cho ông M thửa đất ao để lấy tiền hoàn thiện căn nhà hiện nay đang ở. Việc chuyển nhượng đất giữa hai bên là tự nguyện và tuân theo quy định của pháp luật về đất đai. Nay bị đơn không chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Đ khai ngày 16/01/2013:

Ngày 14/4/2000 bà Đ được mẹ chồng là bà Ma Thị K gọi đến nhà ông Trần Bảo Đ để họp chia đất đai cho các con, sau đó bà K có lập biên bản chia thừa kế, trong biên bản có nội dung để lại bốn thửa đất làm đất hương hỏa chung cho ba anh em họ Trần, các thửa đất không có số thửa, chỉ có số diện tích vì bà Đ không biết chữ nên để cho con trai là Trần Bảo C và Trần Bảo L1 ký tên thay (bà Đ chết năm 2014).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T1 khai:

Bà T1 kết hôn với ông Trần Bảo Đ năm 1962, chung sống với bà K từ đó cho đến khi bà K chết. Khi bà T1 về chung sống với gia đình nhà chồng thì nhà ở ngay bên trên căn nhà ông T hiện nay. Năm 2006 do nhà rách nát không thể ở được nữa, anh em họ hàng đến giúp san lấp mấy thửa ruộng bên dưới và giúp dựng nhà để ở. Năm 2007 bà K chết, năm 2008 ông Đ chết, khi ông Đ chết căn nhà mới chỉ được dựng lên và lợp bằng Proximăng chưa được hoàn thiện. Bà T1 cùng vợ chồng ông T sinh sống ở căn nhà đó từ đó đến nay. Khi bà K còn sống, bà K có nói với bà T1 là đất đai đã được bà chia phần cho ông L2, ông L, phần còn lại bà cho ông Đ và bà T1 quản lý, sử dụng. Bà T1 về sinh sống cùng gia đình chồng từ năm 1962 đến năm 2012 không tranh chấp với ai, trước khi bà K và ông Đ chết không thấy ai nói đến đất hương hỏa của dòng họ, bà T1 không biết đến Biên bản chia thừa kế lập ngày 14/4/2000. Năm 2003 nhà nước có chủ trương cho người dân kê khai để cấp quyền sử dụng đất, khi đó bà K và ông Đ còn sống, gia đình thống nhất cho con trai là Trần Bảo T đứng tên làm thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp GCNQSDĐ theo quy định. Nay bà không nhất trí với toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X khai:

Chị kết hôn với anh Trần Bảo T năm 1997 và sống chung với bố mẹ chồng là ông Trần Bảo Đ, bà Đinh Thị T1 và bà nội chồng là bà Ma Thị K. Vợ chồng anh chị sử dụng toàn bộ đất đai của bố mẹ chồng để lại từ đó đến nay không có ai tranh chấp. Nay phía nguyên đơn yêu cầu trả lại 03 thửa đất, chị không nhất trí vì các thửa đất trên đều đã được Nhà nước giao quyền sử dụng từ năm 2003.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phúc M và bà Phan Thị P khai:

Ngày 18/5/2012 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Trần Bảo T và chị Nguyễn Thị X đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 21, diện tích 575 m² đất ao, giá chuyển nhượng thực tế với số tiền 80.000.000đ nhưng trong hợp đồng chỉ ghi số tiền 11.500.000đ mục đích để thuê chuyển nhượng ít đi. Việc chuyển nhượng đất giữa hai bên đều là tự nguyện và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai. Nay ông M, bà P đã được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Ông M, bà P không nhất trí với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T: Qua xác minh tại địa phương, chị T đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương cũng như người nhà chị T không ai biết địa chỉ cụ thể nơi chị T sinh sống. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và thu thập tài liệu, chứng cứ đối với chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Thực hiện chủ trương chung về quản lý đất đai của nhà nước, năm 2003 huyện C tỉnh Bắc Kạn tiến hành giao đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, trong đó có xã Y. Theo tài liệu, hồ sơ lưu giữ, thì hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của anh T được thực hiện năm 2003, là đợt làm hồ sơ cấp quyền sử dụng đất chung trong toàn xã, không phải trường hợp cấp đơn lẻ. Trong quá trình làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất, UBND xã Y không nhận được bất kỳ phản ánh hoặc đơn thư khiếu nại vì vậy đã trình hồ sơ lên UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Mặc dù đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh Toại không có ngày tháng năm và không phải chữ ký của anh T, đây là thiếu sót trong khi làm hồ sơ. Tuy nhiên toàn bộ diện tích đất theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T đã được cấp là đúng đối tượng và đúng người sử dụng. Từ khi làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho đến năm 2012, gia đình anh Toại sử dụng đúng diện tích được cấp và không có tranh chấp với ai. Nay phía nguyên đơn yêu cầu hủy Quyết định số 2415/QĐ-UB ngày 15/12/2003 của UBND huyện C về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ Trần Bảo T đối với các thửa đất: 49,59,61 tờ bản đồ số 21 của xã Y xét thấy là không cần thiết, vì hủy hoặc không hủy quyết định trên không làm thay đổi về bản chất của vụ việc. UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn khẳng định anh T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 49,59,61 tờ bản đồ số 21 là hoàn toàn đúng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C áp dụng các Điều 26, 35, 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 630 Bộ luật dân sự; Điều 95, 167, 203 Luật đất đai và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH16, ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Trần Bảo L, Trần Bảo C, Trần Bảo L1, Trần Bảo T, Trần Mạnh H, Trần Mạnh H1 về việc:

- Yêu cầu bị đơn Trần Bảo T trả lại quyền sử dụng 03 thửa đất cho dòng họ Trần gồm: thửa số 41 diện tích 132m²; thửa số 59 diện tích 273 m²; thửa số 61 diện tích 575 m² thuộc tờ bản đồ số 21 của xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2415/QĐ-UB ngày 15/12/2003 của UBND huyện C về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Trần Bảo T đối với các thửa đất: thửa số 41 diện tích 132m²; thửa số 59 diện tích 273 m²; thửa số 61 diện tích 575 m² thuộc tờ bản đồ số 21 của xã Y.

- Yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 61, tờ bản đồ 21, diện tích 575 m² giữa Trần Bảo Toại với Lê Phúc M.

Ngoài ra án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 ông Trần Bảo L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì lý do, việc xem xét đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ. Ngoài ra ông L không nhất trí với phần nhận định của bản án sơ thẩm về việc Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, đề nghị Tòa án yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Phúc M đối với thửa đất số thửa số 61 diện tích 575 m² thuộc tờ bản đồ số 21 của xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và đề nghị Chủ tịch UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đứng tên đại diện cho dòng họ quản lý theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2012 và đề nghị Tòa án xem xét việc làm giả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Bảo L đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn lại các nguyên đơn ông C, ông L1, ông T, ông H, ông H1, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp đúng quy định pháp luật, vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Do bản án sơ thẩm có sai sót về thủ tục tố tụng và những nội dung khác liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, cụ thể: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, về xác định tư cách tham gia tố tụng, về án phí, về áp dụng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, căn cứ Điều 239, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Hủy bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bảo L: Ông L yêu cầu bị đơn anh Trần Bảo T trả lại quyền sử dụng 03 thửa đất cho dòng họ Trần gồm: thửa số 41 diện tích 132m²; thửa số 59 diện tích 273 m²; thửa số 61 diện tích 575 m²

đều thuộc tờ bản đồ số 21 của xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vì cho rằng 03 thửa đất này chính là các thửa đất hương hỏa được thể hiện trong biên bản chia thừa kế ngày 14/4/2000.

[2] Xét biên bản chia thừa kế ngày 14/4/2000 theo nguyên đơn thì đây là biên bản về việc bà K chia đất cho các con, nhưng thực tế đất đai anh em đã chia nhau từ năm 1994 còn ngày 14/4/2000 lập biên bản chia thừa kế chỉ là mục đích hợp thức hóa các giấy tờ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên biên bản không có chữ ký điểm chỉ của bà K, và không được phía bị đơn công nhận, ông T không thừa nhận chữ ký trong biên bản là của ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án ông L không cung cấp được biên bản gốc nên không thực hiện được việc giám định chữ ký của ông Đ. Biên bản không có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực. Do đó biên bản chia thừa kế lập ngày 14/4/2000 không có giá trị pháp lý nên không được coi là chứng cứ theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự .

[3] Xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với 03 thửa đất tranh chấp:

Lời khai của nguyên đơn khai các thửa đất tranh chấp có nguồn gốc trước đây là của bà Ma Thị K đưa vào hợp tác xã sau đó đến khi Hợp tác xã giải thể thì ông Đ đứng ra nhận về và quản lý sử dụng từ đó đến năm 2000 lập biên bản chia đất và các năm sau ông Đ vẫn quản lý sử dụng.

Phía bị đơn ông T khai 03 thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà nội (bà Kim) và bố ông (ông Đ) khi Hợp tác xã giải thể bố ông đã nhận lại về và gia đình ông đã quản lý sử dụng từ đó cho đến nay.

Theo công văn số 108/UBND-ĐC ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Y cung cấp thì các thửa đất 41,59,61 hiện đang tranh chấp trước đây sau khi Hợp tác xã giải thể (năm 1989-1990) đều do ông Trần Bảo Đ quản lý và sử dụng đến sau năm 2000. Tại bản đồ đo vẽ năm 1985, các sổ đăng ký ruộng đất, sổ mục kê do Ủy ban nhân dân xã Y cung cấp thể hiện:

Thửa đất số 41 diện tích 132m² và thửa 59 diện tích 273m² thuộc tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính năm 2003) trước đây là một phần của thửa số 110, diện tích 1828m² tờ bản đồ số 3 (bản đồ đo vẽ năm 1985). Trong sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất ghi là đất bỏ hoang, không đăng ký kê khai tên chủ sử dụng.

Thửa đất số 61 diện tích 575m² tờ bản đồ số 2 (bản đồ địa chính năm 2003) trước đây là thửa số 114 diện tích 168m² và thửa số 115 diện tích 416 m² đều thuộc tờ bản đồ số 3 (bản đồ đo vẽ năm 1985). Trong sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng đất là ông Trần Bảo Đ.

Theo sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1999 của xã Y thì không có hộ nào nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp cho các thửa 110, thửa 114, thửa 115 tờ

bản đồ số 3 bản đồ đo vẽ năm 1985 hay các thửa 41, thửa 59, thửa 61 tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính năm 2003.

Từ những tài liệu chứng cứ trên cho thấy, các thửa đất 41, 59 61 từ những năm Hợp tác xã còn hoạt động và sau những năm 1989-1990 khi Hợp tác xã giải thể đều do ông Trần Bảo Đ đứng tên, quản lý và sử dụng đất, đến năm 2003 ông Đ cho con trai là Trần Bảo T làm thủ tục kê khai đứng tên hộ gia đình đăng ký quyền sử dụng đất và sử dụng từ đó đến nay. Về phía nguyên đơn quá trình giải quyết không cung cấp được giấy tờ gì cho rằng đất của nguyên đơn cũng như liên quan đến đất dòng họ Trần, các nguyên đơn đều thừa nhận từ trước đến nay chưa quản lý sử dụng đối với 03 thửa đất tranh chấp lần nào, bản thân ông L khai ông đi thoát ly từ năm 1964 đến nay và hiện nay ông không cư trú địa phương và cũng không trực tiếp sử dụng. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy; không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trả lại đất cho nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu hủy quyết định số 2415/QĐ-UB ngày 15/12/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Bảo T thì thấy: Do các nguyên đơn không phải là đối tượng được cấp quyền sử dụng đất nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không bị ảnh hưởng bởi quyết định trên. Vì vậy, yêu cầu này không được chấp nhận.

[5] Việc nguyên đơn cho rằng chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông T là giả mạo và yêu cầu Tòa án chuyển chứng cứ giả “Đơn đăng ký quyền sử dụng đất” mang tên Trần Bảo T sang cơ quan Công an điều tra; để làm rõ ai đã làm giả. Xét thấy, Tòa án không có thẩm quyền lưu giữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó “Đơn đăng ký quyền sử dụng đất” Tòa án không lưu giữ bản gốc và quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định, do đó yêu cầu của ông không thể thực hiện được. Đối với công văn số 673/CV-CACM ngày 10/12/2018 của Công an C xác định chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất không phải chữ ký của ông T là do ông L tự yêu cầu Cơ quan điều tra giám định, việc giám định không được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn ông T không nhất trí với kết quả giám định. Vì vậy, kết quả giám định không được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các lời khai trong hồ sơ ông T khai ông là người đi làm thủ tục kê khai xin đăng ký quyền sử dụng và chữ ký trong đơn ông khẳng định là chữ ký của ông còn phần nội dung trong đơn là do cán bộ viết hộ. Mặc dù trong đơn xin đăng ký sử dụng đất của ông T có thiếu sót về phần không ghi ngày, tháng, năm làm đơn. Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C về việc này thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T là đúng đối tượng và đúng người sử dụng, vì vậy thiếu sót đó không làm thay đổi nội dung trong đơn cũng như không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi

ích của các thành viên trong hộ không ai có ý kiến gì và cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Xét thấy không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 103 Bộ luật tố tụng năm 2015 thì đây không thuộc trường hợp Tòa án chuyển tài liệu, chứng cứ có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét vì không có dấu hiệu tội phạm.

[6] Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Trần Bảo Toại với Lê Phúc M đối với thửa 61, tờ bản đồ 21, diện tích 575 m² thì thấy rằng: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông M là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, về trình tự, thủ tục được thực đúng quy định của luật đất đai. Do vậy, không có căn cứ hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên yêu cầu này của các nguyên đơn không được chấp nhận.

[7] Về thẩm quyền: Do vụ án thụ lý giải quyết lại, tại thời điểm cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 20/10/2016, căn cứ vào Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì việc Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[8] Trong nội dung đơn kháng cáo ông Trần Bảo L cho rằng quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Qua kiểm tra xem xét tại hồ sơ cấp sơ thẩm có thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có biên bản hòa giải. Xét thấy cấp sơ thẩm không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền của đương sự được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, việc nguyên đơn kháng cáo nội dung này là có căn cứ được chấp nhận.

[9] Xét tư cách tham gia tố tụng: Các nguyên đơn khởi kiện cho rằng họ khởi kiện với tư cách là đại diện cho dòng họ Trần. Tuy nhiên căn cứ vào biên bản họp dòng họ ngày 20/5/2012 và ngày 13/11/2016 thì thấy rằng với thành phần tham gia họp họ chưa đầy đủ các thành viên của dòng họ mang họ Trần để thống nhất thỏa thuận cử người đại diện cho dòng họ đứng ra khởi kiện. Vì vậy, việc ông L, ông C, ông L1 khởi kiện và cùng ký chung đơn khởi kiện chỉ thể hiện tư cách cá nhân và là đồng nguyên đơn trong vụ án. Tại giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn ông Trần Bảo C và Trần Bảo L1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, ông Trần Bảo L không rút đơn khởi kiện. Do vậy, chưa đủ điều kiện để xem xét áp dụng theo Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Trong vụ án có ông Trần Bảo T, Trần Mạnh H, Trần Mạnh H1 không có đơn khởi kiện, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định họ là đồng nguyên đơn là

không chính xác, vi phạm khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng quy định. Tuy nhiên, ông Tuyên, ông H, ông H1 không có yêu cầu độc lập mà cùng chung quyền lợi với bên nguyên đơn, nên họ có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn. Do vậy cần phải xác định lại tư cách tham gia tố tụng đối với họ là “Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan”.

[11] Về áp dụng pháp luật: Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 603 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét tính hợp pháp của văn bản chia thừa kế ngày 14/4/2000 và áp dụng các Điều 95, 167, 203 Luật đất đai năm 2013, để tuyên xử là chưa chính xác bởi thời điểm xảy ra tranh chấp thì Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 chưa có hiệu lực pháp luật.

[12] Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ các thửa đất 41, 59, 61 đang tranh chấp có hiện trạng các thửa đất như thế nào? biên bản xem xét thẩm định tại chỗ không thể hiện rõ các tứ cận thửa đất tranh chấp? Như vậy việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu sót này không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm.

[13] Do bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ, cấp phúc thẩm không khắc phục được. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông L, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Xét thấy vụ án có tính chất phức tạp, xét thấy cần thiết giữ lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[14] Về án phí:

- Nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.
- Án phí sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 310; khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bảo L.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C

Giữ lại hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí :

- Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu số 0002008 ngày 01/7/2019 mà ông Trần Bảo L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Án phí sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Phòng KTNV TAT;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương